

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ
VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NGHỊ QUYẾT
SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

**VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI,
CHÍNH PHỦ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhận thức rõ điều này, ngày 22 tháng 12 năm 2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết số 57-NQ/TW khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng trong việc thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng. Để thực hiện Nghị quyết, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành chương trình hành động với các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đồng thời tổ chức Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai Nghị quyết tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động.

Nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật tổ chức biên soạn, phát hành cuốn sách: “Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị - Chương trình hành động của Quốc hội, Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

Cuốn sách gồm các nội dung chính:

Toàn văn Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Các bài phát biểu của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết. Chương trình hành động của Quốc hội, Chính phủ và các kế hoạch triển khai thực hiện. Cuốn sách là tài liệu quan trọng giúp cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân nắm vững nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, từ đó triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực phát triển đất nước.

Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật trân trọng giới thiệu cuốn sách tới bạn đọc.

**NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT**



Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia



**TOÀN VĂN PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM
TẠI HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC QUÁN TRIỆT
NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**

(Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2025)

*Thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng,
Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*

*Thưa các tri thức, nhà khoa học, các doanh nhân và toàn
thể các đại biểu dự hội nghị tại Hội trường trung tâm và các
điểm cầu.*

Ngày 18/05/1963, tại Hội trường Ba Đình lịch sử, Đại hội lần thứ Nhất của Hội Phổ biến Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam được tổ chức, đánh dấu sự kiện quan trọng trong lịch sử khoa học và công nghệ nước nhà. Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, trong bài phát biểu tại Đại hội, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phổ biến khoa học và kỹ thuật, coi đây là động lực để xây dựng và phát triển đất nước. Người căn dặn: “*Khoa học phải gắn với sản xuất, phục vụ nhân dân*”. Sự kiện này đặt nền móng cho những bước phát triển ứng dụng khoa học để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hơn sáu thập kỷ sau, hôm nay, Hội nghị toàn quốc lần thứ Hai được tổ chức, với quy mô và tầm vóc mới, phản ánh quyết tâm của cả hệ thống chính trị và đất nước trong việc đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Như chúng ta đã biết, khoa học và công nghệ là động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế thần kỳ của nhiều nước. Các bài học thành công từ Hoa Kỳ, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản hay gần đây là Ấn Độ, Ai-len, Hàn Quốc và Singapore đã chứng minh vai trò của khoa học kỹ thuật. Các quốc gia này tận dụng công nghệ để chuyển đổi mô hình kinh tế, thúc đẩy tăng năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Với mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại vào năm 2030 và nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, chúng ta phải coi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ chốt. Đây chính là “*chìa khóa vàng*”, là yếu tố sống còn để vượt qua bẫy thu nhập trung bình và nguy cơ tụt hậu, đồng thời hiện thực hóa khát vọng hùng cường và thịnh vượng của dân tộc ta. Tuy nhiên, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số mới chỉ là “*Phương tiện quan trọng*” để đạt tới mục đích. Đột phá, đổi mới sáng tạo mới là yếu tố kỳ diệu để làm nên kỳ tích, bởi đột phá, sáng tạo mới tạo ra bước

tiền vượt bậc mang tính cách mạng, mới vượt qua rào cản, giới hạn hiện tại để đạt kết quả vượt trội, nổi bật. Đột phá luôn mang tính mới mẻ, tính hiệu quả, vượt giới hạn, tạo ảnh hưởng lớn (Ví dụ: Trong công nghệ: sự ra đời của điện thoại thông minh đã thay đổi cách con người giao tiếp và làm việc; Trong kinh tế: mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số như Uber, Airbnb, thương mại điện tử... là sự bứt phá đối với ngành công nghiệp truyền thống; Công nghệ chỉnh sửa gen (CRISPR) là đột phá lớn của sinh học, y học và nông nghiệp; Trong xã hội là những cải cách về chính sách giáo dục, y tế, văn học nghệ thuật, quản lý đang mang lại những thay đổi to lớn về chất lượng sống của con người).

Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị đã chỉ ra những định hướng chiến lược và được đông đảo cán bộ, đảng viên, nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước đồng thuận, xem đây như một “khoán 10” trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Sự ủng hộ này thể hiện khát vọng phát triển mãnh liệt và quyết tâm vươn lên của dân tộc. Hội nghị hôm nay thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự đồng lòng của toàn Đảng và hệ thống chính trị. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chúng ta có niềm tin mạnh mẽ rằng đột phá trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ là chìa khóa đưa đất nước tiến xa trên con đường hiện thực hóa khát vọng phát triển.

Thưa các đồng chí và các đại biểu,

Đảng và Nhà nước ta luôn coi khoa học, công nghệ là yếu tố quyết định và nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước. Từ Đại hội IV, khoa học và công nghệ đã được xác định là cuộc cách mạng, và đến nay, là quốc sách hàng đầu. Nhiều Nghị quyết quan trọng như Nghị quyết 20, Nghị quyết 52, Nghị quyết 36 đã được ban hành, mang lại kết quả tích cực, đóng góp vào sự phát triển của đất nước như ngày nay. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách tổng thể, nghiêm túc và khách quan, kết quả thực hiện các Nghị quyết của Trung ương chưa đạt các mục tiêu đề ra, chưa được như mong đợi, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, rào cản, nút thắt đang cản trở sự phát triển của khoa học, công nghệ như báo cáo đã nêu từ thể chế, cơ chế, chính sách, luật, đến nguồn lực, phương tiện (*các nhà khoa học mất quá nhiều thời gian, khoảng 50% thời gian, công sức dành cho các thủ tục; các đề tài nghiên cứu không có đột phá, không đo đếm được kết quả; nguồn lực dành cho khoa học công nghệ hạn chế, kinh phí dành cho nghiên cứu phát triển của ta chưa đến 0,7% GDP, trong khi mức trung bình các nước phát triển là 2%, có nước 5%; chưa mạnh dạn chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu, không thương mại hóa được sản phẩm, nhiều trường hợp làm đề tài là hình thức “làm kinh tế biến tướng”...).* Nguyên nhân chính của việc chưa thực sự thành công của các Nghị quyết của Trung ương chính là nằm ở khâu tổ chức thực hiện. Nghị quyết 57

không thay thế các nghị quyết trước đây nhưng có thể xem là “*Nghị quyết giải phóng tư duy khoa học*”, “*Nghị quyết để thực hiện các Nghị quyết*”, “*Nghị quyết của hành động*” với những mục tiêu rất cụ thể, đổi mới cách nghĩ, cách làm, nhằm hiện thực hóa các chủ trương, xóa bỏ rào cản, giải phóng năng lực để thúc đẩy đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo nền tảng phát triển mạnh mẽ đất nước trong thời kỳ mới.

Làm sao để đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống một cách hiệu quả và kịp thời; các cấp, các ngành, các địa phương phải xắn tay ngay vào làm việc, không được chậm trễ. Những chủ trương, giải pháp trong đó phải được nhanh chóng thể chế hóa và ưu tiên bố trí đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện.

Với ý nghĩa đó, tôi đề nghị cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện và làm sâu sắc thêm một số quan điểm, định hướng sau:

Trước hết là về quan điểm: Luôn quán triệt xem đầu tư vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là chiến lược lâu dài, chấp nhận độ trễ và rủi ro trong triển khai. Xem đây là khoản đầu tư, mà đầu tư thì chấp nhận có thắng có thua. Xem dữ liệu là nguồn tài nguyên mới, là “*không khí và ánh sáng*” của kỷ nguyên mới, là tư liệu sản xuất mới; chuyển đổi số là công cụ đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, đổi mới lực lượng sản xuất. Đổi mới sáng tạo chính là “*cây gậy thần*” đạt tới thịnh vượng bền vững, với nhà khoa học giữ vị trí trung tâm.



Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Đột phá phải tiến hành ở cả lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, đó là những khoảng không gian vô tận, có nhiều miền hoang vu, có nhiều cơ hội để các trí thức, các nhà khoa học, người lao động biến “sỏi đá thành cơm”. Nhưng hiện nay nên tập trung trên các lĩnh vực: Vật lý và năng lượng (cơ học lượng tử để có những sản phẩm ứng dụng như vi xử lý, laser, nano...) ; công nghệ thông tin và truyền thông; y học và sinh học (DNA, Gen, Vaccine, 3D...); công nghệ không gian; công nghệ vật liệu, năng lượng và môi trường (năng lượng tái

tạo, Pin Lithium-Ion, thu giữ và lưu trữ Carbon...); phát minh trong đời sống (3D, robot và tự động hóa, công nghệ thực tế ảo -VR và thực tế tăng cường- AR); công nghệ Blockchain, Internet vạn vật (IoT); thông tin địa lý; phân tích văn hóa số; giáo dục và đào tạo trực tuyến... Cần chuyển từ ứng dụng và làm chủ công nghệ sang xây dựng năng lực sáng tạo đột phá, tận dụng cơ hội từ Cách mạng công nghiệp 4.0 để “đi tắt, đón đầu” làm chủ tương lai. Triển khai Nghị quyết phải hướng vào những vấn đề thực tiễn đất nước đang đòi hỏi, thị trường và nền kinh tế đang cần. Những sản phẩm nghiên cứu phải được thương mại hóa, đăng ký được bản quyền.

Về hành động, cần xác định làm rõ Nhà nước làm gì? Doanh nghiệp làm gì? Trí thức, nhà khoa học làm gì? Toàn dân làm gì? Thụ hưởng như thế nào? Nhà nước cần tập trung bốn việc: (1) Hoàn thiện thể chế, pháp lý để thực hiện đột phá, phát triển, (2) Xây dựng hệ thống hạ tầng phục vụ đột phá, (3) Tạo nguồn nhân lực phong phú, trí tuệ đủ năng lực để đột phá, (4) Đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu thông tin, bí mật, bí quyết, bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, bảo mật chủ quyền quốc gia, phát triển độc lập.

Trên tinh thần đó, tôi đề nghị và nhấn mạnh 8 nhiệm vụ, giải pháp, nhất là những nhiệm vụ đột phá:

Thứ nhất là thống nhất nhận thức và hành động: Xác định phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Trung ương đã gương mẫu hành động, với Chương trình hành động kèm theo được quán triệt ngay hôm nay. Các cấp ủy, chính quyền cần cụ thể hóa Nghị quyết bằng các kế hoạch sát thực tiễn, lấy kết quả triển khai làm tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng. Mọi nhiệm vụ sẽ được giám sát, đánh giá thường xuyên; làm tốt được khen thưởng, làm chậm hoặc sai phạm sẽ bị phê bình, xử lý. Lãnh đạo yếu kém, thiếu trách nhiệm sẽ bị thay thế ngay, không để đất nước lỡ cơ hội phát triển. Các cấp ủy, chính quyền, đơn vị cần lập kế hoạch cụ thể, bám sát mục tiêu Nghị quyết 57, với nhiệm vụ rõ ràng, phân công cụ thể, thời gian hoàn thành và kết quả đo lường được. Ngay trong năm 2025 này, cần phải lựa chọn và giải quyết những vấn đề rất căn cơ, tạo nền tảng cho giai đoạn 2026-2030, tạo cú hích cho năng suất lao động mới, tạo niềm tin cho xã hội.

Thứ hai là phải rất khẩn trương hoàn thiện thể chế, chính sách: trong năm 2025, càng sớm càng tốt phải hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật, cơ chế chính sách, tháo gỡ hết các điểm nghẽn, rào cản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giải phóng tối đa sức sáng tạo, khuyến khích dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm (*những quy định nào cần loại bỏ*

thì bỏ luôn, luật nào phải sửa thì sửa luôn, đồng bộ, thống nhất, tinh thần là thông thoáng, 1 nội dung chỉ quy định ở 1 luật. Cần có tư duy mới, cách tiếp cận trong sửa đổi Luật Công nghệ thông tin, Luật Khoa học và công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công và Luật Viên chức đồng bộ hóa các quy định pháp luật có liên quan). Chúng ta khuyến khích người năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trước hết phải bằng chính các quy định của pháp luật, tạo không gian cho người quản lý quyết định và chịu trách nhiệm.

Bộ Chính trị đã định hướng đổi mới quy trình xây dựng pháp luật, đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, và tinh thần này sẽ được thể chế hóa trong Luật sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến được Quốc hội thông qua sớm. Ban cán sự đảng Chính phủ cần phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo thực hiện đúng tiến độ xây dựng 27 luật và 19 nghị định trong năm 2025, đảm bảo thể chế hóa Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị và ban hành sớm văn bản hướng dẫn để các quy định mới sớm đi vào thực tiễn. Hoàn thiện thể chế phải đi đôi với tổ chức thực hiện hiệu quả, có cơ chế giám sát và đánh giá chặt chẽ, nhất là với đội ngũ cán bộ thực thi. Loại bỏ ngay tình trạng “*trên rài thảm, dưới rài đinh*” và loại bỏ tư duy nhiệm kỳ, đổ ký, hay bình quân chủ nghĩa.

Thứ ba là khẩn trương sắp xếp lại bộ máy về khoa học công nghệ: Trong Quý I/2025, hoàn thành việc sắp xếp lại các

tổ chức khoa học, công nghệ; tập trung đầu tư trọng điểm để phát triển các tổ chức nghiên cứu mạnh. Có kế hoạch cụ thể để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân tài khoa học, công nghệ. Triển khai các giải pháp đột phá để thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu, thu hút nhân tài công nghệ là người Việt và người nước ngoài tới làm việc. Các thủ tục liên quan đến vấn đề này phải thực sự thông thoáng hơn nữa, thậm chí phải có tính cạnh tranh cao so với các nước khác mới thu hút được. Xem xét bỏ bớt các điều kiện kinh doanh không còn phù hợp với yêu cầu mới của Nghị quyết 57. Nhà nước có thể chọn thí điểm một số viện, hoặc trường để mời chuyên gia ở bên ngoài làm lãnh đạo, nhất là trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, những người hiểu rõ văn hóa Việt Nam, trưởng thành ở các nước phát triển, am hiểu chuyên môn và quản lý, có sự kết nối quốc tế sâu rộng. Trước đây người ta không dám về là vì chúng ta chưa thật sự sẵn lòng, còn nhiều rào cản về hành chính và các quy định, rất khó điều hành. Nay mọi thứ sẽ thuận hơn rất nhiều.

Tính toán hình thành cơ chế Kiến trúc sư trưởng hoặc Tổng công trình sư cho việc thực hiện các đề án, dự án lớn về khoa học công nghệ và chuyển đổi số mang tính liên ngành; Lập Viện quốc gia về tiêu chuẩn và kiểm định về các nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá, kiểm định sản phẩm và dịch vụ.

Nhà nước tạo thuận lợi thành lập các viện nghiên cứu tư nhân, hỗ trợ về thủ tục, khuyến khích bằng thuế và tín dụng,

được mời các chuyên gia nước ngoài đến làm việc, được tạo mọi điều kiện để hoạt động thuận lợi. (Vừa qua, một số dự án tập đoàn công nghệ lớn có ý định đầu tư vào Việt Nam, nhưng quy trình thủ tục quá rườm rà, vướng nhiều thứ, mất hàng năm trời không triển khai được). Vấn đề này phải được rà soát lại để cải cách mạnh mẽ ngay từ năm 2025.

Thứ tư là ưu tiên bố trí ngân sách cho khoa học công nghệ xứng tầm là quốc sách đột phá: Bố trí ngân sách cho khoa học công nghệ, R&D, lập các quỹ khoa học và công nghệ, khuyến khích hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ thiên thần, quỹ khởi nghiệp, quỹ đổi mới sáng tạo,... Nghiên cứu cơ chế cho mô hình “*đầu tư công-quản trị tư*”, bảo đảm nhà khoa học có quyền chủ động trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. Năm 2025, năm đầu thực hiện Nghị quyết 57, Chính phủ cần đổi mới kế hoạch bố trí ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đề nghị Chính phủ bố trí đủ ít nhất 3% ngân sách để thực hiện nhiệm vụ này và tiếp tục nâng lên tỷ lệ chi cho khoa học công nghệ lên 2% GDP trong 5 năm tiếp theo. Sớm công bố chính sách này và hướng dẫn thủ tục thực hiện thuận lợi. Tiến hành rà soát, điều chỉnh các đề án, dự án để đảm bảo phù hợp với Nghị quyết 57, tránh lãng phí, tập trung đầu tư hiệu quả, có trọng tâm. Đồng thời, cải cách triệt để quy trình phân bổ, quản lý và thanh quyết toán kinh phí, loại bỏ cơ chế “xin - cho” và các thủ tục rườm rà để tối ưu hóa nguồn lực và khuyến khích sáng tạo.

Thứ năm là nhanh chóng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Ban hành cơ chế thu hút nhân tài nói chung, đặc biệt là nhân tài khoa học, công nghệ, nhân tài người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế, với các chính sách hấp dẫn về quốc tịch, thu nhập, nhà ở và môi trường làm việc. Thủ tục liên quan phải thông thoáng, hấp dẫn, cạnh tranh với quốc tế. Xây dựng mạng lưới chuyên gia trong nước và quốc tế, thường xuyên báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo Trung ương. Đẩy mạnh phong trào tôn vinh tài năng và sáng tạo, khơi dậy tinh thần yêu nước, cống hiến của các nhà khoa học. Tiếp tục duy trì phong trào học tập suốt đời, cải cách hệ thống giáo dục đào tạo, trọng tâm là sau đại học, đại học, dạy nghề.

Thứ sáu là tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, bao gồm công nghệ số: Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hạ tầng như đã nêu trong Nghị quyết 57. Đặc biệt, cần chuẩn bị hạ tầng năng lượng cho 5-10 năm tới, với trọng tâm là năng lượng sạch, đảm bảo đủ năng lượng cho phát triển bằng hành động cụ thể. Tối ưu hóa và nâng cấp hạ tầng số, xây dựng các trạm gốc 5G, mở rộng Internet băng thông rộng và phạm vi phủ sóng cáp quang. Phát triển hệ thống vệ tinh tầm thấp tốc độ cao. Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, triển khai Luật Dữ liệu và sàn giao dịch dữ liệu trong năm 2025. Trong năm 2025, Ban cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo rà soát, bổ sung Quy hoạch điện VIII, khai thác hiệu quả các tiềm năng như điện gió, điện

mặt trời, triển khai xây dựng nhà máy điện hạt nhân, đảm bảo nguồn điện bền vững. Đồng thời, cần quản lý, khai thác, bảo vệ hiệu quả khoáng sản, đặc biệt là đất hiếm, để phục vụ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

Thứ bảy là tập trung mũi nhọn vào các ngành có lợi thế và tiềm năng, tránh dàn trải: Cần ưu tiên nguồn lực cho một số ngành kinh tế có lợi thế và tiềm năng phát triển, tránh dàn trải, kém hiệu quả và lãng phí, bao gồm giải pháp công nghệ cho những vấn đề của thực tiễn đất nước như sử dụng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, nông nghiệp công nghệ cao, an ninh lương thực, khoa học về sức khỏe con người, các ngành công nghiệp 4.0. Tập trung thúc đẩy các “mũi nhọn” chuyển đổi số, đặc biệt là triển khai Đề án 06 và xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia. Trong năm 2025, đảm bảo 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính không bị giới hạn bởi địa giới hành chính cấp tỉnh. Đẩy nhanh kết nối và chia sẻ dữ liệu quan trọng trong các lĩnh vực như dân cư, tư pháp, giáo dục, ngân hàng, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, phương tiện... Trung tâm dữ liệu quốc gia phải hoàn thành với dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” dẫn dắt chuyển đổi số toàn diện, tạo nền tảng phát triển kinh tế số và lực lượng sản xuất hiện đại giai đoạn 2026-2030, đáp ứng mục tiêu Nghị quyết 57.

Thứ tám là đẩy mạnh hợp tác và tận dụng tri thức quốc tế:

Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các quốc gia tiên tiến, nhất là trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn và năng lượng tái tạo. Tích cực tham gia xây dựng các chuẩn mực quốc tế, trước mắt là trong khu vực ASEAN, thông qua các sáng kiến như Công ước Hà Nội. Chúng ta phải biết cách “*đứng trên vai của những người khổng lồ*”. Thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn, tạo cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, khuyến khích chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực học hỏi, tiếp thu, làm chủ, cải tiến tri thức, công nghệ của thế giới.

Thưa các đồng chí và các đại biểu,

Đất nước đang đứng trước cơ hội lớn để vươn mình, nhưng thách thức cũng vô cùng to lớn. Chúng ta phải quyết tâm thực hiện cuộc cách mạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, không để lỡ thời cơ thêm lần nữa. Tôi kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết, sáng tạo, thực hiện thành công các nhiệm vụ, đưa Nghị quyết 57 nhanh chóng vào cuộc sống, xây dựng một Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ là lựa chọn, mà là con đường sống

còn. Lãnh đạo các cấp cần coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; các nhà khoa học, doanh nghiệp hãy cố gắng, sáng tạo; người dân cần đồng hành, học hỏi, nâng cao kỹ năng số.

Nghị quyết 57 đã tháo gỡ rào cản, khắc phục điểm nghẽn và tạo cơ chế đột phá để giải phóng sức sáng tạo, nguồn lực, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia. Với nền tảng chính trị, pháp lý vững chắc và sự đồng thuận cao từ toàn Đảng, nhân dân và giới trí thức, tôi tin rằng Nghị quyết sẽ tạo ra bước đột phá, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh, đưa đất nước tiếp tục phát triển bền vững.

Nhân dịp năm mới 2025 và Xuân Ất Ty, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, cùng toàn thể các trí thức, nhà khoa học, người lao động và đồng chí, đồng bào mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc đất nước ta đón một năm mới tràn đầy niềm tin, khí thế và thắng lợi mới.

Xin trân trọng cảm ơn./.



Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia



**TOÀN VĂN PHÁT BIỂU
CỦA CHỦ TỊCH QUỐC HỘI TRẦN THANH MÃN
TẠI HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC QUÁN TRIỆT
NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**

(Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2025)

Kính thưa đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Kính thưa quý đại biểu tham dự tại các điểm cầu trong cả nước,

Theo chương trình Hội nghị, thực hiện phân công của Bộ Chính trị, tôi báo cáo chuyên đề “Chủ trương, giải pháp về thể chế, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

Tài liệu đã được gửi tới các đại biểu, một số nội dung có liệt kê tên các Luật đã được thể hiện trong chú thích. Thời gian cho phép khoảng 30 phút, tôi trình bày 3 nội dung cơ bản như sau:

Phần thứ nhất: Chủ trương của Đảng, Nhà nước và hệ thống văn bản pháp luật hiện nay về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được đề cập ở nhiều văn bản khác nhau như:

- *Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quan điểm là: “Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững”.*

- *Nghị quyết số 52, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ: “Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo.”.*

- *Nghị quyết số 29, ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII xác định nội*

dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững...

Và ngày hôm nay, Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết số 57, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, để tiếp tục khẳng định mạnh mẽ hơn nữa: phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là *yếu tố quyết định* phát triển của các quốc gia; là *điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất* để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường; là *đột phá quan trọng hàng đầu*, là *động lực chính* để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, *ngăn chặn nguy cơ tụt hậu*, đưa đất nước *phát triển bứt phá* trong kỷ nguyên mới.

Đối với hệ thống pháp luật hiện nay về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện nay có 4 Luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực khoa học, công nghệ gồm: Luật Khoa học và công nghệ, Luật Công nghệ cao,

Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ; ngoài ra có 12 Luật, 42 Nghị định, 131 Thông tư khác có liên quan. Hệ thống pháp luật về chuyển đổi số, hiện có 8 Luật liên quan trực tiếp¹ và nhiều văn bản luật khác liên quan; 4 Nghị quyết của Chính phủ và hơn 160 nghị định, quyết định, thông tư hướng dẫn thi hành.

Từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV đến nay, Quốc hội đã thông qua 8 Luật liên quan đến nội dung này². Đặc biệt, 29 Luật và 41 Nghị quyết Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7 và 8 đã giải quyết nhiều vấn đề cấp bách của thực tiễn, *đồng thời trong đó có những Luật quy định về việc tạo lập cơ sở dữ liệu số; phương thức quản lý, cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù liên quan đến ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; cho phép triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các hoạt động nghiên cứu sản xuất sản phẩm, dịch vụ, các loại hình kinh doanh mới*³.

¹ Gồm: Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Dữ liệu, Luật Cơ yếu.

² Gồm: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi), Luật Viễn thông (sửa đổi), Luật Lưu trữ, Luật Dữ liệu, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, Luật Thủ đô (sửa đổi).

³ Như: Luật Đất đai, Luật Đấu giá tài sản, Luật Công chứng, Luật Căn cước, Luật Tổ chức Toà án nhân dân, Luật Tài nguyên nước, Nghị quyết về thí điểm cơ chế, chính sách phát triển một số tỉnh, thành phố...

Tôi nêu như vậy để thấy rằng: Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, không phải bây giờ mới nhắc tới.

Phần thứ hai: Những mặt được, ưu điểm và những mặt hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn của hệ thống văn bản pháp luật hiện nay trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Những mặt được, ưu điểm

Hệ thống pháp luật hiện hành cũng đã có nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi về đầu tư, tài chính, phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tôi nêu một số ví dụ cụ thể:

- *Lưuật Khoa học và công nghệ năm 2013* có quy định khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ để huy động nguồn lực xã hội nhằm hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ.

- *Lưuật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2017* có quy định hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát

triển tài sản trí tuệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

- *Luật Giáo dục năm 2019* có quy định về hoạt động khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ của cơ sở giáo dục; Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục.

- *Luật Đầu tư năm 2020* có quy định hình thức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn thuế, giảm thuế; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất và thực hiện theo pháp luật về thuế.

- *Luật Dữ liệu năm 2024* có quy định tập trung nguồn lực quốc gia cho hoạt động phát triển, ứng dụng nền tảng khoa học và công nghệ trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội...

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia vẫn còn có một số hạn chế cơ bản như sau:

Thứ nhất: Thiếu đồng bộ, thống nhất, dẫn đến một số cơ chế khuyến khích, thúc đẩy trong những lĩnh vực này không phát huy được tác dụng

Ví dụ, Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 có quy định cơ chế quỹ; tuy nhiên, trên thực tế cơ chế quỹ không triển khai

được bởi Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 chưa quy định đồng bộ và chưa sửa đổi kịp thời. Cho đến năm 2015, Luật Ngân sách nhà nước mới sửa đổi quy định về *dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực khoa học công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan*, có nghĩa là Luật Ngân sách nhà nước chấp nhận dự toán chi cho lĩnh vực khoa học, công nghệ được thực hiện theo Luật Khoa học và công nghệ năm 2013.

Thứ hai: Cơ chế đầu tư, tài chính cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa thực sự phù hợp, chưa khuyến khích, thu hút đầu tư từ xã hội, tôi nêu 8 vấn đề như sau:

1. Tổng kinh phí đầu tư của toàn xã hội cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn thấp. Nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ còn *phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước*, việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực còn *hiệu quả*, chi đầu tư từ ngân sách nhà nước cho lĩnh vực này có xu hướng giảm; trong giai đoạn 2016 - 2023 giảm từ 1,29% (năm 2016) xuống còn 0,8% (năm 2023). Một trong những nguyên nhân là do các bộ, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm, chưa xây dựng nhiệm vụ đáp ứng đúng nguyên tắc, tiêu chí để bố trí vốn. Có địa phương không bố trí vốn hoặc có những địa phương bố trí rất thấp cho lĩnh vực này.

2. Phân bổ vốn đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ còn chông chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu

tiên. Kinh phí đầu tư trong những năm qua không đạt tỉ lệ tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 20-NQ/TW và Luật Khoa học và công nghệ năm 2013.

3. Hằng năm, kinh phí phân bổ đa số các bộ, ngành trung ương và các địa phương không giải ngân hết. Một trong những nguyên nhân là quy trình, thủ tục còn rườm rà, ví dụ như: Việc xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ phải thực hiện theo kế hoạch có từ trước, đến khi được phê duyệt thì tính cấp thiết không còn hoặc khi được cấp ngân sách thực hiện thì đơn giá đã thay đổi nhiều, dẫn đến triển khai chậm, chi không hết, thiếu hiệu quả.

4. Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hiện nay chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ, chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng khoa học.

5. Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức khoa học, công nghệ, nhất là các tổ chức sự nghiệp công lập chưa phù hợp, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế, nhất là thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu.

6. Các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng quỹ chưa đủ hấp dẫn, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh

nghiệp; số lượng doanh nghiệp trích lập Quỹ chưa nhiều và số dư Quỹ chưa sử dụng còn lớn. Quy trình phân bổ kinh phí vào các Quỹ khoa học và công nghệ các cấp chưa được thực hiện do một số bộ, ngành, địa phương chưa được thành lập Quỹ.

Cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến, mục tiêu của cơ chế khoán chi là giảm ràng buộc về thủ tục hành chính, để các nhà khoa học tập trung, chuyên tâm cho nghiên cứu khoa học. Nhưng hiện nay, việc chi tiêu, thanh toán vẫn phải chịu sự điều chỉnh đồng thời của Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu thầu.

7. Khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý, sử dụng tài sản công đối với xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia đều đã được quy định tại Luật Công nghệ cao năm 2008. Tuy nhiên, các quy định này hầu như chưa được quy định chi tiết, hướng dẫn triển khai.

Thứ ba: Cơ chế đầu tư, tài chính để triển khai hoạt động chuyển đổi số còn khó khăn, chưa được tháo gỡ kịp thời; việc phân bổ nguồn tài chính cho các nhiệm vụ, đề án, dự án có phạm vi quy mô quốc gia còn chậm và triển khai phức tạp, mất nhiều thời gian

Việc triển khai các nền tảng số trong chuyển đổi số là cách tiếp cận mới, khác với việc triển khai các hệ thống thông tin trước đây, chuyển từ đầu tư các hệ thống thông tin sang thuê các nền tảng số, khiến nhiều bộ, ngành, địa phương gặp lúng túng, khó khăn trong việc thuê dịch vụ.

Ngân sách cho chuyển đổi số vẫn phải *lồng ghép vào các nội dung chi cho khoa học, công nghệ*. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định tỉ lệ chi cho chuyển đổi số trên tổng chi ngân sách hằng năm, gây ra tình trạng chồng chéo, thống kê thiếu trong quản lý ngân sách tại địa phương.

Sau đây, tôi báo cáo sang phần lớn thứ ba của chuyên đề: *Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá về thể chế, để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*.

Nghị quyết 57 đề ra 7 nhiệm vụ, giải pháp, qua rà soát cho thấy, với hơn 100 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, trong đó có 16 nhiệm vụ đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách, có thể coi là rất mới như: Phát triển ngành công nghiệp trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật; đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; hình thành hạ tầng lưu trữ đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh; xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn, hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam; xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên

sâu về trí tuệ nhân tạo... trên cơ sở đó, sẽ tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy về vị trí, vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Ngày 10/01/2025, Đảng đoàn Quốc hội đã ban hành Kế hoạch hành động số 3260 để thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, phân công trách nhiệm rõ ràng, tiến độ cụ thể và tổ chức triển khai với tinh thần khẩn trương, quyết tâm cao nhất; quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đánh giá hiệu quả hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ; phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, tiên phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; thi đua, khen thưởng, biểu dương kịp thời.

2. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương thức, quy trình thủ tục trong hoạt động xây dựng pháp luật: Các luật phải ngắn gọn, rõ ràng, chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội; không luật hoá các nội dung thông tư, nghị định. Tăng cường phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính; chuyển mạnh từ luật thiên về quản lý sang kết hợp hài hoà giữa quản lý có hiệu quả với kiến tạo phát triển, khuyến khích đổi mới sáng tạo, kiên quyết từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Đối với những vấn đề cụ thể còn đang trong quá trình vận

động, chưa ổn định, thì luật chỉ quy định khung và giao cho Chính phủ quy định chi tiết, bảo đảm sự linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành, đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn.

Đặc biệt, tại Hội nghị tổng kết của Chính phủ năm 2024 vừa qua, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tiếp tục nhấn mạnh: Hệ thống pháp luật cần được hoàn thiện, để mỗi nội dung chỉ quy định tại một luật duy nhất. Quản lý theo kết quả, cần loại bỏ cơ chế xin - cho và bao cấp; đổi mới phân bổ ngân sách dựa trên kết quả đầu ra, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Cơ chế quản lý khoa học phải tạo động lực đổi mới, sáng tạo như tinh thần “khoán 10” trong nông nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sinh học. Bên cạnh đó, tiếp tục cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra; nghiên cứu, quy định phù hợp về cơ chế thí điểm, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, nghiên cứu quy định miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới.

3. Tổ chức hoàn thiện pháp luật phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Phối hợp tổ chức rà soát, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan, *nhận diện đúng, đầy đủ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, rào cản*

để tháo gỡ, xoá bỏ; thống nhất nhận thức về nhiệm vụ “đưa thể chế thành lợi thế cạnh tranh”, trong đó cần đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; thể hiện rõ ràng mức độ khuyến khích, ưu đãi vượt trội; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, ổn định, công khai, minh bạch, đơn giản, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ.

Từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV đến nay, qua rà soát bước đầu cho thấy *pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* vẫn còn 2 Nghị định chưa được sửa đổi hoặc thay thế, 1 Thông tư chưa được ban hành; *pháp luật về chuyển đổi số* cũng còn 4 Nghị định và 1 Thông tư chưa ban hành theo tiến độ.

- Trên cơ sở Chính phủ trình và thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, Quốc hội sẽ cho ý kiến, xem xét thông qua các dự án Luật trong 6 lĩnh vực trọng tâm: Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ số: hoàn thiện 8 Luật⁴, về đầu tư và tài chính: Rà soát, hoàn thiện 12 Luật⁵

⁴ Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ cao.

⁵ Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật Giá, Luật Đấu giá tài sản, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

đề các cơ chế, chính sách phù hợp, đơn giản, thuận lợi, thông thoáng; tôn trọng tính đặc thù về tính mới, đột xuất, rủi ro, mạo hiểm trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện 11 Luật⁶, về doanh nghiệp, thương mại: Rà soát, hoàn thiện 3 Luật⁷, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ phát triển thương mại điện tử. Về bảo đảm an ninh, an toàn trên không gian mạng, môi trường số, rà soát hoàn thiện 3 Luật⁸, tạo niềm tin cho người sử dụng, thúc đẩy giao dịch điện tử. Về chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo: Thúc đẩy chuyển đổi các hoạt động của các cơ quan nhà nước lên môi trường số, đặc biệt là hoàn thiện cơ sở pháp lý để đẩy mạnh xây dựng, vận hành Quốc hội số, Chính phủ số, chính quyền số. Ngoài ra, tiếp tục rà soát, xây dựng mới các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Trên tinh thần đó, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội sẽ phối hợp với Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức rà soát hệ thống

⁶ Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Nhà giáo, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Bộ luật Hình sự, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

⁷ Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Luật Thương mại.

⁸ Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin, Luật Cơ yếu.

pháp luật có liên quan; thể chế đầy đủ, kịp thời, đồng bộ theo đúng yêu cầu của Nghị quyết 57. Tổ chức phân công theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, báo cáo việc thực hiện Nghị quyết; chỉ rõ những kết quả đã làm được, việc chưa làm được, việc chưa đạt yêu cầu, giải pháp khắc phục và cá thể hoá trách nhiệm. Trước mắt là khẩn trương phối hợp chuẩn bị, tích cực triển khai Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025.

5. Đề nghị Ban cán sự đảng Chính phủ, Chính phủ, các bộ, ngành: Chú trọng việc tổ chức đánh giá, tổng kết thi hành, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới pháp luật trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số bảo đảm yêu cầu chất lượng, tiến độ theo quy định. Đôn đốc việc xây dựng, ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật.

Đề nghị Hội đồng nhân dân các cấp: Căn cứ tình hình thực tiễn, phối hợp ban hành cơ chế, chính sách theo thẩm quyền để khuyến khích, thúc đẩy phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Bên cạnh đó, trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tổ chức giám sát việc thực hiện.

Kính thưa quý đại biểu, thực tiễn của đất nước đang đặt ra những vấn đề cấp bách cần giải quyết, Nhân dân đang mong chờ và kỳ vọng vào những quyết sách của Đảng, Nhà nước. Trên tinh thần đó, Quốc hội sẽ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, chú trọng thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về thể chế để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, như phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025 của Chính phủ và chính quyền địa phương là: Thời điểm hiện nay đất nước đã có đủ thể và lực, đủ ý chí và quyết tâm để bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc; mọi cơ hội đang đến với chúng ta phải được nắm bắt kịp thời, bởi nếu để vuột mất, chúng ta sẽ có lỗi với lịch sử và với Nhân dân.

Kính thưa quý đại biểu, trong thời gian cho phép tôi đã báo cáo xong chuyên đề “Chủ trương, giải pháp về thể chế, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”; xin chân thành cảm ơn các đồng chí, quý đại biểu đã chú ý theo dõi.

Kính chúc đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và toàn thể quý đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu tại Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia





**ĐỀ CƯƠNG PHÁT BIỂU
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH
TẠI HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC QUÁN TRIỆT
NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**

(Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2025)

Kính thưa đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm!

*Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam!*

Thưa các đồng chí dự Hội nghị!

Theo chương trình Hội nghị, được sự phân công của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm và Ban Tổ chức, tôi xin trân trọng báo cáo những nội dung chủ yếu của Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đột phá phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CĐS).

Nội dung cụ thể của Chương trình hành động đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ.

Tại Hội nghị hôm nay, tôi tập trung trình bày 03 nội dung chủ yếu. (1) Bối cảnh tình hình; (2) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; (3) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình hành động; (4) Tổ chức thực hiện.

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

1. Nhờ sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình hình kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rất tích cực, tháng sau tốt hơn tháng trước, quý sau cao hơn quý trước, tính chung cả năm đạt nhiều kết quả quan trọng, cao hơn năm 2023 trên hầu hết các lĩnh vực, được Nhân dân cả nước và cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

[Trong đó những điểm sáng nổi bật là: (1) Đạt và vượt toàn bộ 15 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó 12 chỉ tiêu vượt mục tiêu; (2) GDP năm 2024 tăng 7,09% (chỉ tiêu Trung ương, Quốc hội giao là 6 – 6,5%); kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát (3,63%), các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, nhất là thu ngân sách nhà nước (vượt thu 337 nghìn tỷ đồng); (3) Văn hóa – xã hội tiếp tục phát triển; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống người dân được nâng lên (chỉ số hạnh phúc của Việt Nam theo xếp hạng của Liên hợp quốc tăng 11 bậc trong năm 2024); (4) Quốc phòng, an ninh được giữ vững, tăng

cường; (5) Đối ngoại, hội nhập quốc tế tạo được môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước].

2. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS là văn kiện có ý nghĩa chiến lược, đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của đất nước trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS.

- Nghị quyết số 57 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là kim chỉ nam cho sự phát triển trong kỷ nguyên mới phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng và là lời hiệu triệu mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân cùng nỗ lực đưa Việt Nam thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

- Nhân mạnh KHCN, ĐMST và CDS đóng vai trò then chốt, là động lực mạnh mẽ để Việt Nam phát triển tăng tốc, bứt phá, bền vững: (1) Giúp Việt Nam bắt kịp, tiến cùng các nước phát triển, tránh nguy cơ tụt hậu kinh tế, từng bước vượt lên, sánh vai cùng các cường quốc về công nghệ; (2) Là chìa khóa để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế; (3) Tối ưu hóa quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, phù hợp với xu thế chung của thế giới; (4) Góp phần bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, mang lại lợi

ích thiết thực cho mọi người dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng.

[Theo Báo cáo mới nhất của WB năm 2024 với chủ đề “Bẫy thu nhập trung bình”, từ năm 1990 đến nay, chỉ có 34 nền kinh tế đã thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình để trở thành quốc gia có mức thu nhập cao, có tới 108 quốc gia chưa vượt qua. Việt Nam hiện có GDP bình quân đầu người năm 2024 là 4.700 USD và nếu tăng trưởng trung bình 7%/năm thì đến năm 2040, Việt Nam mới gia nhập được nước có thu nhập cao (khoảng 13.800 USD/người)].

- Khát vọng về một Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng, hiện đại, sớm gia nhập nhóm nước phát triển có thu nhập cao đã và đang cháy bỏng hơn bao giờ hết. Để hiện thực hóa khát vọng ấy, chúng ta không có con đường nào khác ngoài việc dồn toàn lực cho KHCN, ĐMST và CDS. Đây không chỉ là xu thế tất yếu của thời đại mà còn là con đường duy nhất để bứt phá, vượt qua khó khăn, thách thức, nắm bắt thời cơ, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, vững mạnh, xã hội văn minh, hiện đại, đưa đất nước sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Ngay sau khi Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS

được ban hành, Chính phủ đã khẩn trương, lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương tập trung xây dựng, rà soát, hoàn thiện để sớm ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW với tinh thần “5 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”.

2. Ngày 09/01/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định. Đây là Chương trình hành động tổng thể, toàn diện, được thiết kế với tầm nhìn dài hạn, mục tiêu rõ ràng và các giải pháp mang tính khả thi cao, nhằm cụ thể hóa các định hướng, chủ trương lớn của Đảng thành những hành động thiết thực, sát thực tiễn.

3. Chính phủ xác định rõ việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, không chỉ dừng lại ở việc quán triệt nhận thức, mà còn phải được thực hiện bằng những bước đi mạnh mẽ, bài bản, đồng bộ, thống nhất với sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và toàn xã hội. Trong đó, các nhiệm vụ trọng tâm như hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng hạ tầng số hiện đại, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo được đưa vào Chương trình hành động với lộ trình cụ thể và trách nhiệm rõ ràng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Bám sát nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhất là 05 quan điểm chỉ đạo, các mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Chương trình hành động của Chính phủ đã đề ra 41 nhóm chỉ tiêu (gồm 35 nhóm chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 và 06 nhóm chỉ tiêu cụ thể đến năm 2045) và 07 nhóm nhiệm vụ với 140 nhiệm vụ cụ thể; trong đó:

1. **Nhóm 1:** Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển KHCN, ĐMST và CDS (gồm 13 nhiệm vụ cụ thể)

Việc quán triệt và triển khai hiệu quả nhóm nội dung này là nhiệm vụ rất quan trọng và cấp thiết, đòi hỏi chúng ta phải thực sự chuyển biến mạnh mẽ từ tư duy, nhận thức đến hành động trong toàn xã hội, đặc biệt là vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên *[Chỉ khi từng tổ chức, mỗi cá nhân đều nhận thức rõ vai trò của KHCN, ĐMST và CDS, chúng ta mới có thể tạo ra những bước tiến đột phá, xây dựng nền kinh tế vững mạnh, hiện đại, hội nhập quốc tế sâu rộng; tạo nền tảng vững chắc, giúp nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới]*.

Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm là:

1. Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả thực hiện *[Lưu ý yêu cầu đặt ra là Kế hoạch thực hiện phải thực chất, không hình thức, chiếu lệ và phù hợp với điều kiện gắn với bố trí nguồn lực phù hợp. Các nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, lượng hóa để dễ triển khai, dễ đánh giá, dễ đo lường, dễ kiểm tra, giám sát]*.

2. Tập trung tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức xã hội về KHCN, ĐMST và CDS. Xây dựng phong trào học tập số và nâng cao kiến thức KHCN trong toàn xã hội. *Trong đó lưu ý: (i) Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên đa nền tảng, đa đối tượng; (ii) Cụ thể hóa nội dung cho từng nhóm đối tượng (người dân, doanh nghiệp, chính quyền, lãnh đạo các cấp...)]*.

3. Phát động phong trào thi đua toàn quốc để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân trong thực hiện cuộc cách mạng về KHCN, ĐMST và CDS; tôn vinh, khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc *[Phát động các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả]*

ương tự như các phong trào thi đua cao điểm 500 ngày đêm hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc; xây dựng Đường dây 500 kV mạch 3 Quảng Bình - Hưng Yên; chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên cả nước trong năm 2025...].

2. Nhóm 2: Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS (28 nhiệm vụ cụ thể)

Đây là nhóm nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS; như đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo là phải bảo đảm thông thoáng, kiến tạo phát triển với tư duy đổi mới “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển, huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển, tạo không gian phát triển mới”, tạo khuôn khổ pháp lý để huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

[Trong đó lưu ý: (i) Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo, hoặc chưa đầy đủ theo hướng vướng mắc ở đâu tháo gỡ ở đó, ở cấp nào thì cấp đó chủ động, đề xuất sửa đổi, hoàn thiện; (ii) Khẩn trương nghiên cứu ban hành một số cơ chế, chính sách đột phá để giải quyết những vấn đề mới trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS; (iii) Trường hợp cần thiết ban hành một luật sửa nhiều luật, hoặc nghị quyết để xử lý những vấn

đề phát sinh chưa quy định trong luật, hoặc đã có nhưng còn nhiều vướng mắc, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn].

Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm là:

- Tập trung xây dựng dự án Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Công nghiệp công nghệ số trình Quốc hội thông qua trong năm 2025 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật. Đồng thời, Chính phủ đề xuất Quốc hội xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung các Luật liên quan để góp phần thúc đẩy KHCN, ĐMST và CDS⁹.

- Xây dựng cơ chế thử nghiệm, đặc thù trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS, trình Quốc hội thông qua; trong đó có: (i) Cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công

⁹ Trong đó có: (1) Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương để bảo đảm tính thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS; (2) Luật Viên chức; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp; (3) Luật Sở hữu trí tuệ; Bộ luật Hình sự; Luật Đầu tư công; Luật Đấu thầu; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý và sử dụng tài sản công; Luật Giá; Luật Đấu giá tài sản để phù hợp với đặc thù và thông lệ quốc tế trong sử dụng NSNN thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu; (4) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho KHCN, ĐMST và CDS; (5) Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để có cơ chế, chính sách ưu đãi trong cấp thị thực nhập cảnh, cư trú cho chuyên gia, nhà khoa học; (6) Luật Lao động để miễn giấy phép lao động cho các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Việt Nam; (7) Luật Giáo dục để có căn cứ xác định cơ sở giáo dục đại học trở thành trung tâm nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ.

cho sản phẩm, dịch vụ số theo trình tự thủ tục rút gọn; (ii) Cơ chế thí điểm thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của nhà nước (sandbox); (iii) Triển khai thực hiện theo phương thức “vừa thiết kế, vừa thi công”...

- Ban hành quy định Quỹ đầu tư mạo hiểm và các cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo để tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

[Đây là bước đi chiến lược để xây dựng năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ. Thời gian qua, việc thu hút đầu tư mạo hiểm còn chưa tương xứng với tiềm năng (trong giai đoạn 2021 - 2024 mới thu hút được 2,5 tỷ USD; do đó, cần phải thúc đẩy mạnh mẽ trong thời gian tới)].

3. Nhóm 3: Tăng cường đầu tư hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS (*34 nhiệm vụ cụ thể*)

Tăng cường đầu tư hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS là một chiến lược mang tính nền tảng, trong đó hạ tầng đóng vai trò và yếu tố cốt lõi để tạo đà bứt phá cho đất nước; đầu tư cần được thực hiện một cách đồng bộ, liên kết mạnh mẽ giữa các ngành, các lĩnh vực. ưu tiên phát triển hạ tầng số với phương châm “hạ tầng số phải luôn đi trước một bước”, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế số, xã hội số [Đây chính là nền tảng để thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như: công nghiệp chế biến, chế tạo, nông

nghiệp công nghệ cao, du lịch, dịch vụ..., góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững].

Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm là:

(1) Ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, không gian, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá, y sinh học...); Danh mục các công nghệ chiến lược; thành lập Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược; xây dựng Đề án triển khai cơ chế thử nghiệm, cơ chế hợp tác công tư. Đảm bảo ít nhất 75% NSNN chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là cần thiết để phục vụ nghiên cứu các công nghệ chiến lược. Đồng thời, rà soát các chiến lược nghiên cứu không gian biển, ngầm và vũ trụ để đáp ứng yêu cầu công nghệ hiện đại, khắc phục khan hiếm đất đai [Nghị quyết của Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ Việt Nam phải làm chủ công nghệ chiến lược, tiếp cận theo hướng làm chủ công nghệ chiến lược thông qua làm chủ ứng dụng].

(2) Rà soát, đầu tư phát triển Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển KHCN [*Thời gian qua, chúng ta mới đầu tư*

16 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đầu tư gần 1 nghìn tỷ đồng; thời gian tới phải đầu tư nhiều hơn nữa, nâng cấp các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đạt chuẩn quốc tế, xử lý được các vấn đề khó mà trước đây chúng ta phải thuê nước ngoài làm].

(3) Xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm dữ liệu quốc gia; kết nối, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương. Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực; thành lập ủy ban Dữ liệu Quốc gia; hình thành và phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và sàn giao dịch dữ liệu; hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn [*Hiện nay, cả nước mới có 44 trung tâm dữ liệu và đang xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia; việc xây dựng các trung tâm dữ liệu còn rất khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển (Việt Nam chỉ bằng 1/15 Singapore, 1/5 Indonesia và Malaysia). Nhu cầu trung tâm dữ liệu tại Việt Nam trong thời gian tới là rất lớn, đi đôi với đó là năng lượng điện*].

(4) Phát triển hạ tầng số hiện đại, hạ tầng viễn thông, Internet, hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số, các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung các ngành, lĩnh vực. Xây dựng Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số. Xây dựng Đề án ứng dụng Internet vạn vật trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp thông minh,

giao thông thông minh, y tế thông minh... *[Chúng ta phải quyết tâm phủ sóng viễn thông 5G trên phạm vi toàn quốc để đáp ứng nhu cầu phát triển KTXH, phát triển mạnh Starlink; đẩy mạnh phát triển hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh; cáp quang băng thông rộng tốc độ cao; sớm phóng các vệ tinh phục vụ phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu...]*

4. Nhóm 4: Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS (12 nhiệm vụ cụ thể)

Cùng với việc tăng cường đầu tư hạ tầng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, phát triển và trọng dụng nhân lực chất lượng cao chính là yếu tố then chốt, là “chìa khóa vạn năng” mở ra cánh cửa thành công. Nhận thức rõ tầm quan trọng đặc biệt này, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách mang tính đột phá nhằm thu hút, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài [Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội].

Mục tiêu là xây dựng một đội ngũ nhân lực hùng hậu, vừa đủ về số lượng, vừa đạt chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày

càng khắt khe của kỷ nguyên số. Đặc biệt, nguồn nhân lực này cần được đào tạo bài bản, chuyên sâu, phù hợp với đặc thù của từng ngành, lĩnh vực, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của KHCN, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia hùng cường, sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới.

Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm là:

- Xây dựng Đề án phát triển và trọng dụng nhân tài, tập trung vào các cán bộ chuyên gia đầu ngành, những người giữ vai trò nòng cốt trong các lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS; có chính sách đãi ngộ, tuyển dụng đặc thù thu hút, tuyển dụng nhân tài, tạo động lực mạnh mẽ để nhân tài gắn bó và cống hiến lâu dài cho đất nước [Trong đó lưu ý: (i) Triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; (ii) Có cơ chế, chính sách về tín dụng, học bổng, học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật then chốt; (iii) Đổi mới, đa dạng hóa chương trình giáo dục đào tạo, nhất là các ngành khoa học công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM); xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình giáo dục đại học số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo].

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trong đó tổ chức nào hoạt động không hiệu quả sẽ được sáp nhập hoặc giải thể để tập trung nguồn lực cho các tổ chức nghiên cứu mạnh. Phát triển các trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo [đảm nhận vai trò tiên phong trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao]. Xây dựng, đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cùng các cơ sở nghiên cứu KHCN và ĐMST trọng điểm quốc gia trở thành trung tâm hàng đầu về nghiên cứu và ứng dụng KHCN.

- Có chính sách thu hút nhà khoa học và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài về làm việc tại Việt Nam; kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quốc tế theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược. Xây dựng, ban hành cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, cấp visa, giấy phép lao động, thu nhập... nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ trọng điểm quốc gia.

5. Nhóm 5: Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng và an ninh (27 nhiệm vụ)

Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là đòn bẩy then chốt để nâng tầm hiệu quả quản lý nhà nước, quản trị quốc gia. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động của các cơ quan nhà nước sẽ tạo nên bước chuyển mình mạnh mẽ, góp phần kiến tạo một Chính phủ số tinh gọn, hiệu quả, phục vụ nhân dân tốt hơn. Chuyển đổi số sẽ là “chìa khóa vàng” để tối ưu hóa quy trình quản lý, nâng cao năng lực điều hành, dự báo và ra quyết định chính xác, kịp thời trên mọi lĩnh vực, từ KTXH đến quốc phòng - an ninh [Đặc biệt, trong bối cảnh an ninh mạng ngày càng phức tạp, việc ứng dụng KHCN để bảo vệ chủ quyền trên không gian mạng, phòng chống tội phạm công nghệ cao càng trở nên cấp thiết. Đây chính là nền tảng để xây dựng một xã hội số an toàn, văn minh, hiện đại, bảo vệ vững chắc chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ].

Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm là:

(1) Xây dựng Chương trình phát triển Chính phủ số, tạo ra một hệ thống quản trị hiện đại, minh bạch và hiệu quả (Thời gian qua, Việt Nam có bước tiến mạnh mẽ trong xếp hạng về chuyển đổi số quốc tế. Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử

năm 2024 tăng 15 bậc, xếp hạng 71/193. Thời gian tới, chúng ta phải phấn đấu xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số thuộc Top 3 Đông Nam Á và Top 50 thế giới vào năm 2030). Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình hướng tới việc cung cấp các dịch vụ số cá nhân hóa dựa trên dữ liệu, không phụ thuộc vào địa giới hành chính (đây cũng là cơ sở để thúc đẩy hình thành công dân số với danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, góp phần xây dựng một xã hội số toàn diện). Đẩy mạnh số hóa dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu để cắt giảm thủ tục hành chính, trọng tâm vào các lĩnh vực như tư pháp, giáo dục, y tế và đất đai...

(2) Ứng dụng KHCN, ĐMST và CDS trong các ngành, lĩnh vực quan trọng của đất nước, như văn hóa, tài nguyên, môi trường, giao thông, y tế, thương mại điện tử... [Trong đó lưu ý: (1) Về văn hóa: đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao. Thúc đẩy xây dựng cơ sở dữ liệu về văn hoá, di sản văn hóa số; tạo điều kiện cho người dân được hưởng thụ văn hóa. Quốc tế hóa văn hóa bản sắc của Việt Nam; Việt Nam hóa tinh hoa văn hóa thế giới; (2) Về tài nguyên, môi trường: xây dựng các hệ thống và nền tảng số về giám sát, quản lý và thu thập dữ liệu tài nguyên, môi trường; phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí

hậu và bảo vệ môi trường; (3) Về thương mại điện tử: thúc đẩy hiệu quả công tác quản lý thuế, nhất là đẩy mạnh phát hành hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trong lĩnh vực dịch vụ ăn uống, bán lẻ...; đăng ký doanh nghiệp và giao dịch thương mại điện tử gắn với định danh và xác thực điện tử...].

(3) Ứng dụng KHCN, ĐMST và CDS trong bảo đảm quốc phòng và an ninh; hiện đại hóa lực lượng quân đội và công an; làm chủ các công nghệ chiến lược; có cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển các loại vũ khí, khí tài hiện đại dựa trên nền tảng KHCN và ĐMST; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm ngăn chặn các hoạt động tấn công mạng để bảo vệ chủ quyền không gian mạng quốc gia từ sớm, từ xa.

6. Nhóm 6: Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp *(16 nhiệm vụ cụ thể)*

Trong tiến trình hình thành và phát triển nền kinh tế số, doanh nghiệp chính là “đầu tàu”, là lực lượng nòng cốt của hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nhận thức rõ vai trò then chốt này, Chính phủ đã và đang triển khai nhiều chính sách “mở đường” cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, tiếp cận và làm chủ công nghệ số, ứng dụng KHCN vào hoạt động sản xuất kinh doanh; các doanh nghiệp lớn phải đóng vai trò dẫn dắt, tiên phong. Các chính sách này sẽ thổi luồng sinh khí

mới, tạo động lực mạnh mẽ cho doanh nghiệp tự tin chuyên mình, nâng cao năng lực cạnh tranh, sáng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm là:

(1) Xây dựng Đề án hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu. Có cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số. Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để thu hút các doanh nghiệp công nghệ tham gia.

(2) Xây dựng Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để triển khai hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược và an toàn an ninh mạng.

(3) Thúc đẩy phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số và công nghiệp công nghệ thông tin tập trung phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030 gắn với phát triển xanh [nhằm góp phần thu hút các nhà đầu tư FDI lớn về công nghệ trong lĩnh vực bán dẫn, thiết bị điện tử, năng lượng...].

(4) Đẩy mạnh thu hút các dự án FDI cho nghiên cứu và phát triển (R&D), nhất là trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân

tạo, điện toán đám mây, dữ liệu lớn... gắn với chuỗi sản xuất trong nước; đồng thời, có cơ chế, chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước đầu tư cho nghiên cứu và phát triển đề đổi mới công nghệ, đẩy mạnh sản xuất thông minh, nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm [Vừa qua, chúng ta đã thu hút được nhiều dự án FDI lớn trong lĩnh vực R&D như của Samsung, NVIDIA, Foxconn, Infosys, Marvell, SK Hynix... Cần phải thúc đẩy mạnh mẽ hơn trong thời gian tới].

(5) Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích, thúc đẩy khởi nghiệp về KHCN, ĐMST và CDS với tinh thần “lấy doanh nghiệp làm trung tâm; các viện, trường, trung tâm nghiên cứu là trụ cột; nhà khoa học, học sinh, sinh viên là chủ thể”. Hình thành hệ sinh thái cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, xây dựng văn hóa khởi nghiệp quốc gia, đặc biệt trong thế hệ trẻ.

(6) Xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh, gắn với thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số.

7. Nhóm 7: Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS (09 nhiệm vụ)

Hợp tác quốc tế là nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS, giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng với thế giới, nhanh chóng nắm bắt và ứng dụng những tiến bộ công nghệ tiên tiến. Chính phủ đặt mục tiêu xây dựng

các chiến lược hợp tác quốc tế toàn diện, nâng cao vị thế của Việt Nam trong các tổ chức và diễn đàn quốc tế.

Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm là:

(1) Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai ngoại giao kinh tế gắn với thu hút đầu tư KHCN, ĐMST và CDS (gọi tắt là “ngoại giao công nghệ”). Tinh thần là đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, đa dạng hóa thị trường KHCN, ĐMST và CDS.

(2) Xây dựng Đề án Việt Nam chủ động tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, đóng góp vào việc xây dựng các quy tắc và tiêu chuẩn quốc tế [Đây là cơ hội để Việt Nam tham gia vào các vị trí lãnh đạo của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và an toàn thông tin mạng].

(3) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong KHCN, ĐMST và chuyển đổi số, nhất là trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), chuỗi khối (blockchain), dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử, vũ trụ và các công nghệ chiến lược khác để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ số phù hợp nhu cầu trong nước và thế giới.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đi vào thực tiễn, phát huy hiệu quả trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đề nghị các cơ quan trong hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các địa phương cần đặc biệt chú trọng tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm chủ động, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả với tinh thần “tư tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào ra việc đấy, làm việc nào dứt việc đó”; chú trọng phân công nhiệm vụ cụ thể với tinh thần “5 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”, “dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung” và phương châm “Đảng chỉ đạo, Chính phủ thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi, thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, từng tổ chức, cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan. Trong đó lưu ý một số nội dung trọng tâm sau:

1. Trên cơ sở nghiên cứu kỹ, bám sát nội dung Nghị quyết số 57- NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ trong tháng 01 năm 2025.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch ủy ban nhân dân các địa phương tập trung chỉ đạo quán triệt, thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao; tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện; định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện theo quy định; kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

4. Các bộ, cơ quan, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, các phong trào thi đua và thực hiện nghiêm túc, kịp thời chế độ khen thưởng, kỷ luật trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ theo quy định.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Kính thưa Hội nghị!

Trên đây là một số nội dung chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đề nghị các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung quán triệt đến toàn xã hội, Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong cả nước thực hiện quyết liệt, nghiêm túc, hiệu quả Chương trình này.

Nhân dịp năm mới 2025 và chuẩn bị đón Tết cổ truyền của dân tộc, thay mặt Chính phủ, tôi xin kính chúc đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các ban, bộ, ngành, địa phương, toàn thể các đồng chí, quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn toàn thể các đồng chí!

NGHỊ QUYẾT

CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nhận thức của nhiều cấp, nhiều ngành, cán bộ, công chức và Nhân dân về chuyển đổi số chưa

đầy đủ và sâu sắc; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

Đất nước ta đang đứng trước yêu cầu cần có chủ trương, quyết sách mạnh mẽ, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Từ tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu quán triệt thực hiện tốt các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ DẠO

1. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là *đột phá* quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia,

phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu

thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

4. Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

5. Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực khoa học, công

nghe đạt trình độ quốc tế. Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn

kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có từ 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn quốc. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện. Thu hút thêm ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

- Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số,

xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm,

chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Có chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào “*học tập số*”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu,

nhệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

- Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn

nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và

Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cùng các cơ sở nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia. Sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động không hiệu quả. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, không gian, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá...); có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

- Ban hành các chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, phát triển không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công

nghe chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây;

thu hút doanh nghiệp nước ngoài đặt trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại Việt Nam. Hình thành hạ tầng lưu trữ, tính toán đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh. Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Có cơ chế, chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sàn giao dịch dữ liệu. Xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền của Việt Nam. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học,

kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Có cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

- Xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo. Có cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hoá

phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Có chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Phát triển một số

mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hoá số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy

mạnh chuyên giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

- Có chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Ban. Thành lập Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết; phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, cơ bản hoàn thành trong năm 2025.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn tăng cường tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết.

Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo Trung ương và Bộ Chính trị để chỉ đạo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
Tô Lâm

BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG,
NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THỜI GIAN
QUA; QUÁN TRIỆT TRIỂN KHAI TINH THẦN
VÀ NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA NGHỊ QUYẾT
SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**

*(Tài liệu phục vụ Hội nghị toàn quốc về đột phá
phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia)*

Phần I

**TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG,
NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST
VÀ CDS THỜI GIAN QUA**

Trong suốt sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn quan tâm đến phát triển khoa

học, công nghệ (KHCN). Ngày 18/5/1963, tại Đại hội đại biểu Hội phổ biến Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam toàn quốc lần thứ Nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo *“Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi”*. Trong kháng chiến, nhiều nhà khoa học nổi tiếng đã có các công trình nghiên cứu, ứng dụng KHCN trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là chế tạo, cải tiến vũ khí chống giặc ngoại xâm và chữa bệnh cho cán bộ, chiến sỹ và nhân dân ta.

Kể từ khi thống nhất đất nước, đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới đến nay, Đảng ta đã ngày càng quan tâm và xác định tầm quan trọng, vai trò và vị thế hàng đầu của khoa học, công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội gắn với đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước. Qua các nhiệm kỳ Đại hội, nhận thức và tư duy của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST và CDS) đã từng bước hoàn thiện và có nhiều đổi mới; các chủ trương, định hướng đề ra có tính kế thừa và phát triển phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong từng giai đoạn và gắn với xu thế phát triển chung của thế giới. Đại hội VI (1986) đã đặt ra yêu cầu là khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành một động lực to lớn đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đại hội VII (1991)

xác định KHCN đóng vai trò then chốt trong phát triển lực lượng sản xuất. Đại hội VIII (1996) coi KHCN là động lực của CNH, HĐH. Trên cơ sở đó, Quốc hội ban hành Luật Khoa học công nghệ năm 2000, đây là đạo luật đầu tiên về KHCN. Đại hội IX (2001) thống nhất quan điểm coi KHCN là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực CNH, HĐH. Đặc biệt, Đại hội X lần đầu đề cập đến “kinh tế tri thức” và nhấn mạnh vai trò động lực của KHCN trong phát triển kinh tế tri thức. Đại hội XI (2011) cùng với tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, KHCN được xác định giữ vai trò là động lực đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, đồng thời xác định phát triển KHCN gắn với kinh tế tri thức. Đại hội XII (2016) và Đại hội XIII (2021) tiếp tục xác định yêu cầu phát triển mạnh mẽ KHCN, làm cho KHCN thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại. Đặc biệt, Đại hội XIII đề cao vai trò của ĐMST và CDS, nhấn mạnh chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ; chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, sự nghiệp phát triển KHCN, ĐMST và CDS đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đất nước. Khoa học và công nghệ thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày càng khẳng định rõ hơn vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ có nhiều tiến bộ; nhiều công trình nghiên cứu đã có đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các lĩnh vực nông nghiệp, y học, dược học, năng lượng, dầu khí, cơ khí, chế tạo, quân sự, an ninh... Khoa học xã hội và nhân văn đóng góp tích cực cho việc cung cấp luận cứ trong vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Tiềm lực khoa học và công nghệ đã được tăng cường. Các tổ chức khoa học - công nghệ và đội ngũ cán bộ phát triển cả về số lượng và chất lượng, là lực lượng đi đầu trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quản lý nhà nước, cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý khoa học và công nghệ được tiếp tục đổi mới. Đã hình thành hành lang

pháp lý tạo thuận lợi cho việc phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bắt đầu phát triển. Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia được thành lập và đi vào hoạt động bước đầu phát huy hiệu quả. Việt Nam thuộc nhóm đầu các quốc gia ban hành Chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước và khung khổ pháp lý cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số tiếp tục hoàn thiện. Hạ tầng số quốc gia được đẩy mạnh xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại; hạ tầng viễn thông phát triển hiện đại, rộng khắp ngang tầm các nước phát triển. Cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành từng bước được triển khai. Công nghiệp công nghệ số phát triển nhanh, đóng góp ngày càng lớn cho GDP.

Các số liệu thống kê cụ thể cho thấy, nước ta có 423 tổ chức nghiên cứu và phát triển với quy mô khác nhau, tập trung chủ yếu ở TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; hiện có gần 900 doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Việt Nam có khoảng 4.000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, 208 quỹ đầu tư, 84 vườn ươm, 20 trung tâm khởi nghiệp sáng tạo; hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam đứng thứ 56/100 quốc gia; thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh lọt vào top 200 thành phố khởi nghiệp sáng tạo toàn cầu. Năm 2024, Việt Nam xếp hạng 44/133 về Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu và 71/193 quốc gia về Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử. Đến hết năm 2024, tỷ trọng kinh

tế số trong GDP ước tính 18,3%. Năm 2024, công nghiệp công nghệ số đạt doanh thu 152 tỷ USD; kim ngạch xuất khẩu phần cứng, điện tử ước đạt 132 tỷ USD.

Tuy nhiên, cũng cần thẳng thắn nhìn nhận chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém: Tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; chưa thực sự trở thành động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách so với nhóm các nước phát triển. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ số cốt lõi. Hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức. Việc huy động các nguồn lực cho khoa học - công nghệ và nghiên cứu, phát triển (R&D) chưa hiệu quả, trong đó chi cho KHCN chưa đạt mức quy định tối thiểu 2% tổng chi NSNN (năm 2023 chỉ đạt 0,82%) và chi cho R&D mới đạt khoảng 0,67% GDP (trong đó mức trung bình của các nước phát triển là 2 - 5% GDP). Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chậm đổi mới, chưa phù hợp, nhất là về tài chính, đầu tư. Cơ chế và chính sách cán bộ trong hoạt động khoa học và công nghệ còn nặng về hành chính, chưa tạo được môi trường thuận lợi để phát huy sức sáng tạo, thu hút nhân tài; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu. Thị

trường khoa học và công nghệ phát triển chậm. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế, thiếu thể chế về tài chính, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ cao; thiếu giải pháp đồng bộ và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương.

Có nhiều nguyên nhân để lý giải cho các yếu kém nêu trên, trong đó có một số nguyên nhân chủ yếu sau: Nhận thức và tư duy của một số cấp uỷ đảng, chính quyền còn chưa đầy đủ, rõ ràng về vai trò đột phá chiến lược của KHCN, ĐMST và CDS; về sự cần thiết, cấp bách phải đổi mới cơ chế quản lý KHCN, ĐMST và CDS; về đặc thù của lĩnh vực này là tính sáng tạo, mang tính rủi ro và có độ trễ; chưa thực sự coi đây là quốc sách hàng đầu, là nền tảng, là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn lực đầu tư dành cho KHCN, ĐMST và CDS ở mức thấp. Nhiều nút thắt, điểm nghẽn về thể chế, pháp luật cản trở sự phát triển của KHCN, ĐMST và CDS chưa được giải quyết đồng bộ, dứt điểm, nhất là cơ chế quản lý tài chính, đầu tư chậm đổi mới, không phù hợp; thiếu thể chế thử nghiệm, sandbox, miễn trừ trách nhiệm, chấp nhận rủi ro. Chưa thu hút được khu vực doanh nghiệp thực sự quan tâm đến nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh dựa trên KHCN, ĐMST và CDS; chưa tạo điều kiện đủ mạnh để doanh nghiệp dành nguồn lực thỏa

đáng cho nghiên cứu và phát triển; doanh nghiệp thiếu động lực để đổi mới công nghệ do rủi ro, thiếu vốn, thiếu thị trường.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ với sự phát triển vượt bậc của công nghệ số, đặc biệt là công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, lượng tử, tự động hóa... tác động nhanh, sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội, làm thay đổi toàn diện phương thức sống, làm việc của con người. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã trở thành yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia. Chính phủ các quốc gia ngày càng chú trọng phát triển kinh tế - xã hội dựa trên KHCN, ĐMST và CDS; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn.

Sau 40 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, hướng tới 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập nước thì chúng ta cần có những đột phá, trong đó đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS chính là con đường lựa chọn để thực hiện các bước nhảy vọt, rút ngắn khoảng cách với các nước đi trước. Đây là điều kiện tiên quyết, thời cơ hiếm có để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Phần II

QUÁN TRIỆT, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDSQG

Về kết cấu: Cùng với phần mở đầu nêu rõ tình hình và nguyên nhân cũng như yêu cầu cấp thiết đối với việc xây dựng và ban hành Nghị quyết, Nghị quyết được kết cấu gồm 4 phần chính có liên quan chặt chẽ với nhau: Phần I. Quan điểm; Phần II. Mục tiêu; Phần III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; và Phần IV. Tổ chức thực hiện.

1. Quan điểm: Nghị quyết xác định 05 nhóm quan điểm chỉ đạo.

Thứ nhất, Bộ Chính trị khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của KHCN, ĐMST và CDS quốc gia, xác định rõ đây là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Điểm mới ở đây là xác định rõ vai trò “là động lực chính” đồng thời đã gắn kết phát triển KHCN, ĐMST và CDS với đổi mới phương thức quản trị quốc gia, xem KHCN, ĐMST và CDS là công cụ quan trọng để thực hiện “đổi mới” theo hướng hiện đại, góp phần nâng cao hiệu

quả quản trị quốc gia. Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an chủ trì là minh chứng rõ nét trong triển khai thực hiện đổi mới phương thức quản trị quốc gia nêu trong quan điểm thứ nhất này.

Thứ hai, Nghị quyết chỉ rõ tính cách mạng, toàn dân, toàn diện của sự nghiệp phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia, trong đó yêu cầu phải tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt.

Thứ ba, Bộ Chính trị xác định các nội dung cốt lõi của cuộc cách mạng này, bao gồm: thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Phải bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên

tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

Thứ tư, Nghị quyết xác định rõ quan điểm phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực nước ta có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

Thứ năm, Nghị quyết đặt ra yêu cầu xuyên suốt, không tách rời là phải bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, an ninh, an toàn.

2. Mục tiêu: Nghị quyết nêu 5 nhóm mục tiêu đến năm 2030:

- Nhóm mục tiêu thứ nhất, mang tính định hướng về tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và đặt ra mục tiêu cụ thể là Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu

Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử.

- Nhóm mục tiêu thứ 2, đề ra một số mục tiêu cụ thể về hiệu quả kinh tế - xã hội, đó là đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- Nhóm mục tiêu thứ 3, nhằm xác định rõ nội dung về nguồn lực thực hiện; trước hết là về kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Đây là mục tiêu rất quan trọng nhằm bảo đảm nguồn lực tài chính cho sự phát triển “đột phá” của KHCN, ĐMST và CDS trong giai đoạn mới.

- Nhóm mục tiêu thứ 4, tập trung đề cập đến các mục tiêu về phát triển hạ tầng và những công nghệ chiến lược trọng tâm, đó là hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số.

Phủ sóng 5G toàn quốc. Đối với hạ tầng đô thị, Nghị quyết đặt ra mục tiêu cần hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện.

- Nhóm mục tiêu thứ 5, quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Nghị quyết cũng đặt mục tiêu đạt mức cao của thế giới đối với phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số. Chú trọng đến mục tiêu quan trọng và có tính xuyên suốt đó là Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

Tầm nhìn đến năm 2045: Phù hợp với mục tiêu chung về phát triển đất nước nêu trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, Nghị quyết đề ra tầm nhìn đến năm 2045 là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Đồng thời đặt ra các mục tiêu cao hơn trong giai đoạn đến năm 2045 là Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công

nghe số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam. Về cơ bản, các mục tiêu cụ thể nêu trong tầm nhìn đến năm 2045 cao gấp khoảng 2 lần so với giai đoạn đến 2030, các nội dung này được xem xét, đề xuất dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn, bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện.

3. Về nhiệm vụ, giải pháp: Nghị quyết số 57 đã đề ra 7 nhóm nhiệm vụ và giải pháp, bao gồm một số trọng tâm như sau:

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ nhất: Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Đây là nhóm nhiệm vụ, giải pháp quan trọng đầu tiên, mang tính hiệu triệu, được nhấn mạnh và đưa lên hàng đầu. Nghị quyết xác định trước hết cần phải nâng cao nhận thức, đột phá đầu tiên là đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, đồng thời với sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo để tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển

KHCN, ĐMST và CDS. Nghị quyết yêu cầu người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Điểm mới ở đây là nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS phải được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Đặc biệt là để bảo đảm năng lực chuyên môn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cần phải bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp, đồng thời cần phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Cùng với nhiệm vụ về tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức, quyết tâm, toàn bộ hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp cần phải triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số, các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, đồng thời nhấn mạnh đến việc khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ con người Việt Nam.

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 2: Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nhiệm vụ trước tiên là thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực. Kịp thời cải cách cơ chế quản lý tài chính, phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; đặc biệt, cần thực hiện sớm việc giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

Đối với những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn, cần có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm, cần thực hiện một số cơ chế, chính sách như chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Đồng thời cho phép hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

Thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập

trung phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Đặc biệt nhấn mạnh việc cần thiết phải đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cùng các cơ sở nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia. Nghị quyết đã đưa ra một số giải pháp mới, mang tính đột phá, đó là cho phép giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp; đặc biệt là cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

Nghị quyết cũng đề ra nhiệm vụ cần phải thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia. Xác định rõ ngân sách chi phải có trọng điểm và thực hiện theo cơ chế quỹ; có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài. Đây là nội dung mang tính đột phá, cho phép thực hiện cơ chế đặc biệt trong những trường hợp cần thiết.

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 3: Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết đề ra nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là cần phải ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, không gian, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá...); xác định rõ một số cơ chế, chính sách đột phá, đó là cần có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

Nghị quyết xác định các không gian phát triển chiến lược, theo đó cần ban hành các chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, phát triển không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ. Xác định tầm quan trọng hàng đầu của tài nguyên năng lượng, nhất là năng lượng sạch, năng lượng mới gắn với an ninh năng lượng trong phát triển. Đối với tài nguyên khoáng sản, nhiệm vụ cần thiết là quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Điểm nhấn ở đây là chú trọng đến tài nguyên đặc biệt quan trọng đối với phát triển công nghệ cao, công nghệ bán dẫn đó là “đất hiếm”, đây là lợi thế quốc gia.

Nghị quyết đặt ra nhiệm vụ cần phải phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược. Xác định một số nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy phát triển hạ tầng số, là nền tảng quan trọng hàng đầu trong công nghệ số, đó là có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

Nghị quyết đề ra nhiệm vụ xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Phải có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; thu hút doanh nghiệp nước ngoài đặt trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại Việt Nam. Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Xác

lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 4: Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ hàng đầu cần phải tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Có cơ chế thu hút nhân tài, theo đó cần ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo. Có cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong

xã hội. Chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt.

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 5: Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

Nghị quyết yêu cầu chuyển đổi số toàn diện hệ thống chính trị gắn với nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, phải có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Bên cạnh đó, Nghị quyết yêu cầu phải đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu. Phát triển một số mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hoá số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu

tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường. Nghị quyết đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ xuyên suốt, thường xuyên là bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng và đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 6: Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

Nghị quyết đặt ra yêu cầu phải có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Khuyến khích, hỗ trợ trong một số lĩnh vực và phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số. Nghị quyết cũng yêu cầu phải đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

Nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 7: Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nghị quyết đề ra nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong một số lĩnh vực trọng tâm ưu tiên, theo đó cần tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Tổ chức thực hiện

Tương tự như các Nghị quyết khác, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự đảng, Ban đảng, Đảng ủy trực thuộc Trung ương triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ được giao của từng cơ quan, đơn vị.

Điểm đặc biệt của Nghị quyết này là việc Bộ Chính trị quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do

Đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Ban và thành lập Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước. Việc này thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Bộ Chính trị, đứng đầu là Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong sự nghiệp phát triển KHCN, ĐMST và CĐSQG trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số 03/NQ-CP

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 04/TTr-BKHCN-BTTTT ngày 02 tháng 01 năm 2025 và công

văn số 83/BKHCN-BTTTT-VP ngày 08 tháng 01 năm 2025 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
KT. PHÓ THỦ TƯỚNG
Nguyễn Hòa Bình

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

*(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-CP
ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)*

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW).

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám

sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW đề ra, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các

nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

b) Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

c) Quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức.

d) Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu quốc gia về đổi mới sáng tạo.

đ) Xây dựng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

e) Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và

cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

ê) Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình hành động của Chính phủ với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả thực hiện.

f) Làm rõ định nghĩa, nội hàm, lượng hóa các khái niệm về “mức độ tự chủ về công nghệ”, “năng lực cạnh tranh số”, “doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến”, “lực lượng sản xuất hiện đại” và các khái niệm khác trong Nghị quyết số 57-NQ/TW để thống nhất nhận thức và tổ chức triển khai, thực hiện.

g) Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

k) Rà soát, sửa đổi quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát

triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

l) Xây dựng, nâng cấp nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

m) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

n) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

o) Phát động phong trào thi đua trong toàn quốc để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,

sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

p) Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

b) Xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia.

c) Xây dựng, ban hành quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên

cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; Có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

d) Xây dựng, công bố mức độ đánh giá hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đổi mới doanh nghiệp.

đ) Sửa đổi quy định pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Sửa đổi Luật Khoa học và công nghệ (2013) và các luật có liên quan trong dự án xây dựng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đề: (i) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước; (iii) Tập trung nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư ngoài ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e) Xây dựng quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

g) Bổ sung các chính sách tháo gỡ điểm nghẽn và hoàn thiện Luật Công nghiệp công nghệ số trình Quốc hội ban hành:

- Thí điểm có sự giám sát của nhà nước; cơ chế miễn trừ trách nhiệm trong việc thử nghiệm công nghệ số mới, mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển công nghệ số chiến lược, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp dữ liệu lớn, công nghiệp an toàn, an ninh mạng, công nghiệp Internet vạn vật (IoT).

- Rà soát, sửa đổi các quy định của pháp luật tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho việc đầu tư triển khai tuyến cáp quang biển quốc tế trong đó các doanh nghiệp Việt Nam là một thành viên hoặc làm chủ.

- Rà soát các quy định Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư để sửa đổi, bổ sung kịp thời đảm bảo có các quy định thuận lợi về thủ tục đấu thầu lựa chọn đối tác, lựa chọn doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển công nghệ mới, công nghệ chiến lược, dịch vụ số và hạ tầng số với các cơ chế ưu đãi vượt trội trong đảm bảo đầu tư, phương án chia sẻ doanh thu, lợi nhuận, chia sẻ rủi ro trong quá trình đầu tư và trong hợp đồng đối tác công tư.

h) Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm

đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

i) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

k) Nghiên cứu phương án giao Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trực tiếp các cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

l) Sửa đổi các quy định về sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập.

m) Sửa đổi các quy định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo hướng giảm tỉ lệ vay lại xuống mức thấp nhất, không yêu cầu bảo đảm tiền vay đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ tài chính.

n) Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

o) Xây dựng, công bố danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Xây dựng cơ sở pháp lý và đề án để hình thành Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược; Xây dựng cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược; Xây dựng cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; Xây dựng đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược; Xây dựng đề án phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược; Xây dựng đề án đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập; Rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 05 dự án, chương trình trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, nhà máy thông minh, đô thị thông minh... được triển khai.

c) Xây dựng chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số.

d) Xây dựng, ban hành danh mục và triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

đ) Xây dựng cơ chế cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nền tảng số có quy mô quốc gia, vùng và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức.

e) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

g) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; Công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển các hạ tầng số mới cần thiết cho chuyển đổi số.

h) Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn quốc.

i) Thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố trực thuộc Trung ương.

k) Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

l) Xây dựng ngành công nghiệp Internet vạn vật (IoT) và một số khu công nghiệp chuyên biệt phát triển IoT; Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh; Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật

(IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...; Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.

m) Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao; rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

n) Rà soát các ưu đãi để thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài đặt Trung tâm dữ liệu tại Việt Nam.

o) Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia.

p) Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

q) Ban hành và thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực.

r) Hoàn thiện hành lang pháp lý đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các giải pháp phát triển các ứng dụng

công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tất, đón đầu.

s) Xây dựng Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

b) Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp

ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

d) Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chuẩn, quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, tăng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục đại học và tạo thuận lợi cho thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư.

đ) Rà soát, sửa đổi các quy định về chính sách cấp học bổng, miễn giảm học phí cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước.

e) Triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác.

f) Đổi mới chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo các ngành STEM; xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình

giáo dục đại học số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo.

g) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về tín dụng ưu đãi đối với người học theo hướng mở rộng đối tượng và điều kiện vay, giảm lãi suất, tăng mức vay và thời hạn trả nợ, có ưu đãi đặc biệt đối với các ngành STEM.

h) Rà soát, sửa đổi quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng loại bỏ đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục đại học tư thục không vì lợi nhuận; sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng giao quyền tự chủ cao cho các cơ sở giáo dục đại học công lập.

i) Rà soát, sửa đổi các quy định về ưu đãi thuế và tín dụng cho các hoạt động đầu tư, tài trợ, hợp tác đào tạo và nghiên cứu của doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

k) Nghiên cứu, ban hành quy định áp dụng mức ưu đãi cao nhất cho các cơ sở giáo dục đại học công lập về tỉ lệ vay lại các dự án ODA và các dự án vốn vay ưu đãi khác hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

l) Đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, tạo hành lang pháp lý

rõ ràng cho các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong đào tạo nhân lực công nghệ số, xây dựng quy chế phối hợp giữa các bên (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu).

m) Xây dựng, ban hành cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực.

n) Phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài, kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quốc tế theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.

o) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế xác định nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

p) Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm

bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

q) Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính phủ số.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

c) Phối hợp với các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối

cao để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

d) Xây dựng mô hình Trung tâm giám sát điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu của bộ máy nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

đ) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

e) Chính quyền các cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

g) Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

h) Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

i) Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

k) Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

l) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ tri thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

m) Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

n) Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh.

o) Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

p) Tăng cường giám sát ở quy mô quốc gia trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Đầu tư, nâng cấp Trung tâm an ninh mạng quốc gia thuộc Bộ Công an đảm bảo việc kết nối, giám sát trên diện rộng tại hệ thống thông tin trọng yếu, quan trọng về an ninh quốc gia của các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp.

q) Hình thành và phát triển nền công nghiệp an toàn, an ninh mạng theo hướng tự chủ thông qua việc phát triển các sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trọng điểm và hình thành các doanh nghiệp lớn có tiềm lực đóng vai trò dẫn dắt thị trường và vươn ra thế giới.

r) Phát triển các hệ thống kỹ thuật quốc gia có năng lực giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để chủ động phát hiện, ngăn chặn một cách kịp thời, hiệu quả.

s) Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

t) Số hóa, thông minh hóa, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh; làm chủ vũ khí công nghệ cao dựa trên công nghệ số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

u) Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyên đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Rà soát, xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới

sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); Xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

c) Xây dựng quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước; Lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số và chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước.

d) Cập nhật, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

đ) Xây dựng Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn. Xây dựng nền tảng số để đo lường trực tuyến và định kỳ đánh giá, công bố kết quả.

e) Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, thuê khoán cho một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ chiến lược, đi đôi với nhiệm vụ triển khai phát triển hạ tầng số, các dự án chuyển đổi số

quốc gia để hình thành các doanh nghiệp công nghệ số lớn, đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

f) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

g) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước vươn ra toàn cầu; thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

h) Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Việt Nam đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.

k) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước, làm cơ sở vươn ra toàn cầu.

l) Xây dựng chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển

đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

m) Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

n) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chuyên đổi số quốc gia. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.

o) Rà soát, xây dựng các chính sách đặc thù để thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư tại các khu công nghiệp công nghệ số.

p) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

q) Khẩn trương xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tập đoàn đa quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu hàng đầu thế giới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam; Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

b) Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Xây dựng Đề án Việt Nam chủ động tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế. Có cơ chế xây dựng đội ngũ chuyên gia tham gia vào các vị trí lãnh đạo các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn của một số lĩnh vực liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược.

d) Tích cực tham gia, cử các nhà khoa học tham gia vào các tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế trên thế giới, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ của Liên hợp quốc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ trong tháng 01 năm 2025.

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trong năm 2025.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm

vụ, giải pháp cụ thể; bảo đảm an ninh, trật tự và tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 01 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

QUỐC HỘI

Nghị quyết số:
193/2025/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 3. Thành lập, điều hành doanh nghiệp từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập được thành lập, tham gia thành lập doanh

nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức đó sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng.

2. Khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức, viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức đó thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức đó tạo ra.

Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

Điều 4. Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn trách nhiệm dân sự khi gây ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước khi đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, quy trình và nội dung nghiên cứu đã được thuyết minh nhưng không đi đến kết quả như dự kiến thì không phải hoàn trả lại kinh phí đã sử dụng.

Điều 5. Cấp kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo cơ chế quỹ

1. Ưu tiên cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế quỹ thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Việc lập dự toán và phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo cơ chế quỹ được thực hiện như sau:

a) Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ mở mới;

b) Dự toán ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ mở mới hằng năm được xây dựng trên cơ sở dự kiến số lượng nhiệm vụ mở mới của năm kế hoạch, kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ đã được mở mới trong năm trước năm lập kế hoạch và ước kinh phí tăng thêm khi có thay

đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát;

c) Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp hằng năm để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc Nhà nước.

2. Các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước được thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia là quỹ được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ này;

b) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ này.

3. Các quỹ phát triển khoa học và công nghệ phải được định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ.

4. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bảo đảm đúng tiến độ, chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá để bảo đảm việc sử dụng kinh phí của các tổ chức chủ trì đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ giải ngân.

5. Cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm việc giải ngân và sử dụng ngân sách nhà nước đã cấp đúng tiến độ và có hiệu quả.

Điều 6. Khoản chi trong thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước cho thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện khoán chi, trừ kinh phí chi mua tài sản được trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thuê dịch vụ thuê ngoài và đoàn đi công tác nước ngoài.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có cam kết về sản phẩm của nhiệm vụ với chỉ tiêu chất lượng chủ yếu cần đạt được.

3. Trên cơ sở dự toán kinh phí tại thuyết minh nhiệm vụ do tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng, cơ quan có thẩm quyền thẩm định và quyết định kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ xác định mức kinh phí khoán đối với các nội dung chi được khoán. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc sử dụng kinh phí khoán; được điều chỉnh các nội dung chi; được quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; chịu trách nhiệm giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu.

Điều 7. Quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là vật không tiêu hao theo quy định tại khoản 2 Điều 112 của Bộ luật Dân sự được xử lý như sau:

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là cơ quan nhà nước; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị): Tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi hoàn thành mục đích sử dụng không cần chờ đến thời điểm kết thúc nhiệm vụ được xác định là tài sản được Nhà nước giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng mà không cần thực hiện thủ tục giao quyền sử dụng và bàn giao tài sản. Việc hạch toán, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ không thuộc quy định tại điểm a khoản này: Tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi hoàn thành mục đích sử dụng không chờ đến thời điểm kết thúc nhiệm vụ được xác định là tài sản được Nhà nước giao cho tổ chức chủ trì quyền sở hữu mà không cần thực hiện thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và bàn giao tài sản. Việc hạch toán, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại hình của tổ chức.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là cơ quan, tổ chức, đơn vị tại điểm a khoản 1 Điều này có quyền quản lý, sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi bảo hộ của quyền sở hữu trí tuệ của người khác mà không cần thực hiện thủ tục về việc giao quyền quản lý, sử dụng. Tổ chức chủ trì quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có quyền sở hữu quyền tài sản đối với các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi bảo hộ của quyền sở hữu trí tuệ của người khác mà không cần thực hiện thủ tục về việc giao quyền sở hữu.

Quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh trừ trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là tổ chức có yếu tố nước ngoài hoặc đặt trụ sở chính ở nước ngoài.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có quyền quản lý, sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 2 Điều này được đăng ký sở hữu trí tuệ các kết quả khi đáp ứng yêu cầu của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Khi được cấp văn bằng

bảo hộ, cơ quan, tổ chức, đơn vị này được đại diện thực hiện quyền của chủ sở hữu. Việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này.

4. Tổ chức sở hữu kết quả nghiên cứu, phát triển theo quy định tại khoản 2 Điều này, có quyền công bố, đăng ký sở hữu trí tuệ các kết quả khi đáp ứng yêu cầu của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Trong trường hợp cần thiết, Nhà nước thu hồi kết quả nghiên cứu, phát triển của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước để phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.

6. Trường hợp sau 03 năm kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì không thực hiện triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ mà có tổ chức khác có nhu cầu thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thu hồi và giao cho tổ chức đó để tiếp tục phát triển, ứng dụng.

Điều 8. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Đối với tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

mà tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này được thực hiện như sau:

a) Theo dõi riêng tài sản, không hạch toán chung vào tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, không phải xác định nguyên giá, giá trị còn lại, khấu hao, hao mòn tài sản;

b) Tự chủ, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm sử dụng tài sản không cần định giá trong việc cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng, kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân mới. Khi thực hiện nội dung quy định tại điểm này, không cần lập đề án, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp để phòng, chống thất thoát, lãng phí trong quá trình sử dụng tài sản theo quy định này;

c) Bán, chuyển nhượng tài sản; góp vốn bằng tài sản để liên doanh, liên kết có hình thành pháp nhân mới thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đối với tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức chủ trì là tổ chức tại điểm b khoản 1 Điều 7, có quyền sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị quyết

này, tổ chức chủ trì được sử dụng tài sản phù hợp với quy định của pháp luật áp dụng đối với loại hình của tổ chức đó.

3. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổ chức khai thác tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, tiếp tục đầu tư để thương mại hóa bảo đảm hiệu quả.

4. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tổ chức chủ trì trong việc sử dụng tài sản bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phòng ngừa xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Điều 9. Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

1. Các khoản tài trợ của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, khoản chi dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp được tính vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Điều 10. Sử dụng ngân sách trung ương triển khai các nền tảng số dùng chung và chỉ định thầu các dự án chuyển đổi số

1. Ngân sách trung ương được sử dụng để đầu tư, mua sắm, thuê, duy trì, vận hành, bảo trì các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng để các cơ quan, tổ chức của trung ương, địa phương sử dụng, khai thác chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí.

Quy trình, thủ tục bố trí kinh phí đầu tư, mua sắm, thuê, duy trì, vận hành, bảo trì các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng để sử dụng chung cho các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu đối với các gói thầu có thời gian lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn 2025 - 2026 thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai, xây dựng các nội dung sau đây:

a) Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ, ngành, địa phương;

b) Các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh;

d) Trung tâm giám sát, điều hành thông minh;

đ) Cổng dịch vụ công quốc gia;

e) Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

g) Dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số khác theo yêu cầu tại nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cơ quan chức năng về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật có liên quan đối với các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số áp dụng chính sách quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh 5G

Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G toàn quốc được quy định như sau:

1. Doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G phải đạt tối thiểu 20.000 trạm phát sóng 5G được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Tổng số tiền hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông quy định tại khoản 1 Điều này không vượt quá tổng số tiền trúng đấu giá của các cuộc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thực hiện trong năm 2024.

3. Mức hỗ trợ một trạm phát sóng 5G là 15% chi phí thiết bị bình quân cho một trạm phát sóng 5G được mua trong năm 2025 của các doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ.

Điều 12. Chính sách phát triển các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển do doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia góp vốn hoặc là chủ đầu tư

1. Các dự án đầu tư các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển có trạm cập bờ tại Việt Nam được áp dụng trình tự, thủ tục quy định cho dự án đầu tư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về đầu tư và phải đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Cho phép cấp phê duyệt chủ trương đầu tư quyết định việc sử dụng hình thức chỉ định thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này triển khai

trong giai đoạn 2025 - 2030 để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp.

Trong trường hợp không sử dụng hình thức chỉ định thầu, việc lựa chọn nhà thầu để triển khai dự án đầu tư được thực hiện theo thông lệ quốc tế được các bên thống nhất hoặc ký kết giữa doanh nghiệp viễn thông Việt Nam và tổ chức nước ngoài là thành viên góp vốn đầu tư xây dựng tuyến cáp quang biển quốc tế.

Điều 13. Thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp

1. Thí điểm có kiểm soát triển khai dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp được quy định như sau:

a) Thí điểm có kiểm soát đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình mạng viễn thông vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp tại Việt Nam trên nguyên tắc bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong đó không giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc tỷ lệ đóng góp của nhà đầu tư nước ngoài;

b) Thí điểm cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp thay thế cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho người sử dụng thiết bị đầu cuối;

c) Việc thí điểm quy định tại điểm a và điểm b khoản này do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhưng không quá 05 năm. Việc thí điểm phải kết thúc trước ngày 01 tháng 01 năm 2031.

2. Căn cứ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thí điểm theo từng đề án, bao gồm: loại hình dịch vụ viễn thông, giới hạn phạm vi triển khai, giới hạn số lượng thuê bao tối đa, tần số sử dụng, điều kiện chấm dứt thí điểm, các yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yêu cầu, điều kiện cần thiết khác nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và pháp luật về viễn thông; hướng dẫn, thực hiện việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

Mức thu lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được cấp phép thí điểm áp dụng theo quy định hiện hành về mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện và mức thu phí sử dụng tần số vô tuyến điện. Phí sử dụng tần số vô tuyến điện tính theo thời gian sử dụng tần số vô tuyến điện và theo thực tế số lượng thiết bị đầu cuối sử dụng dịch vụ do doanh nghiệp báo cáo.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát hoạt động triển khai thí điểm bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Điều 14. Hỗ trợ tài chính xây dựng nhà máy đầu tiên để phục vụ nghiên cứu, đào tạo và sản xuất chip bán dẫn

1. Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư xây dựng dự án nhà máy đầu tiên được lựa chọn để chế tạo chip quy mô nhỏ, công nghệ cao phục vụ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng của Việt Nam theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư dự án trực tiếp từ ngân sách trung ương trong trường hợp nhà máy nghiệm thu đưa vào sản xuất trước ngày 31 tháng 12 năm 2030. Tổng mức hỗ trợ không vượt quá 10.000 tỷ đồng;

b) Trong thời gian chuẩn bị và thực hiện dự án, hằng năm được trích lập cao hơn 10% nhưng tối đa không quá 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để bổ sung cho dự án. Tổng số tiền trích lập không vượt quá tổng mức đầu tư của dự án.

2. Được giao đất bằng hình thức giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực

hiện dự án có sử dụng đất đối với nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định lựa chọn doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp đó. Các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ chịu trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách

quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật.

4. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Quốc hội thông qua.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì đối tượng được ưu đãi được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Việc quản lý, xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện như sau:

a) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1

Điều 7 của Nghị quyết này đã có quyết định phê duyệt nhiệm vụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện xử lý tài sản theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này có quyết định phê duyệt nhiệm vụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì tiếp tục thực hiện xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Gói thầu thuộc nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết này đã có kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực vẫn chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	3
TOÀN VĂN PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM TẠI HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA.....	7
TOÀN VĂN PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH QUỐC HỘI TRẦN THANH MÃN TẠI HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA.....	25
ĐỀ CƯƠNG PHÁT BIỂU CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH TẠI HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA	43
I. Bối cảnh tình hình.....	44
II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.....	46
III. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của chương trình hành động	48
NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA	
I. Quan điểm chỉ đạo.....	67
II. Mục tiêu.....	68

1. Đến năm 2030	70
2. Tầm nhìn đến năm 2045	70
III. Nhiệm vụ, giải pháp.....	73
1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	73
2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.....	75
3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	78
4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.....	80
5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.....	82
6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp	83
7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	85
IV. Tổ chức thực hiện.....	85

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,

CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THỜI
GIAN QUA; QUẢN TRIỆT TRIỂN KHAI TINH THẦN
VÀ NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 57- NQ/TW
NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT
TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA.....87

Phần I TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG,
CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN KHCN,
ĐMST VÀ CDS THỜI GIAN QUA87

Phần II QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/
TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT
TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDSQG 95

NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA
CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22
THÁNG 12 NĂM 2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT
TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA..... 111

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22 THÁNG
12 NĂM 2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA
(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-CP
ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ) 113

I. Mục tiêu..... 113

II. Nhiệm vụ cụ thể 114

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết
tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực

mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	114
2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	118
3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	122
4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.....	126
5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.....	130
6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp	134
7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	138
III. Tổ chức thực hiện.....	139

NGHỊ QUYẾT

VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Chương I. Quy định chung	141
Chương II. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	142
Chương III. Hoạt động chuyển đổi số quốc gia.....	153
Chương IV. Điều khoản thi hành	159

Chịu trách nhiệm xuất bản

**GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
BÙI MINH CƯỜNG**

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. NGUYỄN HUY TIẾN

Biên tập: NGUYỄN VĂN TUẤN

Dàn trang chế bản: VŨ NGỌC HẢI

Sửa bản in: VŨ NGỌC HẢI

Họa sỹ bìa: ĐẶNG NGUYỄN VŨ

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

70 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024 3942 3171 Fax: 024 3822 0658

Website: <http://www.nxbkhkt.com.vn>

Email: nxbkhkt@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

28 Đồng Khởi - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028 3822 5062

In 50 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH In Minh Vương.

Địa chỉ: Kiot số 8, ngõ 66 Phố Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 219-2025/CXBIPH/04-120/KHKT.

Quyết định xuất bản số: 91/QĐXB-NXBKHKT, ngày 10 tháng 3 năm 2025.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

Mã ISBN: 978-604-67-2987-1



NGHỊ QUYẾT

SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ
VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

224279M00

ISBN: 978-604-67-3127-6



9 786046 731276